

Số: 323/TB-CNTTPTQĐ

Đại Phúc, ngày 28 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị Thống Nhất, phường Phố Cò (nay thuộc phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) đã niêm yết tại Thông báo số 265/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/5/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 thông qua ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;



Căn cứ Quyết định số 10/2026/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một số trường hợp áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Đơn giá quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ thường tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của UBND thành phố Sông Công về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thống Nhất, phường Phố Cò, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định hình thức áp dụng xác định giá đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội (đợt 2) và điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 13/2/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Thông báo thu hồi đất số 18/TB-UBND ngày 15/5/2026 của UBND phường Sông Công về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị Thống Nhất, phường Phố Cò (nay thuộc phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên);

Căn cứ Thông báo số 265/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/5/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị Thống Nhất, phường Phố Cò (nay thuộc phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) – Lần 7;

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

1. Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị Thống Nhất, phường Phố Cò (nay thuộc phường Sông Công, tỉnh

Y Đ
HÀNH
3 TÂM
N QUỲ
VỰC I
★ N

Thái Nguyên) theo Thông báo số 265/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/5/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II thông báo điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được niêm yết theo các thông báo nêu trên, nội dung chi tiết thể hiện tại phụ lục kèm theo.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Thông báo số 265/TB-CNTTPTQĐ ngày 08/5/2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

3. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến phòng nghiệp vụ 2, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II, địa chỉ số 68, đường Vũ Xuân, phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này).

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với các dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND phường Sông Công chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của UBND phường.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ phường Sông Công; TDP Tân Mới, TDP Việt Đức, phường Sông Công; các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND Phường Sông Công;
- Ủy ban MTTQ phường Sông Công;
- TDP Việt Đức, TDP Tân Mới, phường Sông Công;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQĐ, Thunt(15b). *Tha*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Anh

2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THỐNG NHẤT, PHƯỜNG PHỔ CÒ (NAY THUỘC PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN) - LẦN 7

Phương án kèm theo Thông báo số 323 /TB-CNTTPTQĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ĐVT: đồng

STT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất										Tổng Cộng
					Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	Thưởng BGMB đất ở (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)	Thưởng BGMB đất nông nghiệp (Chỉ được nhận khi bàn giao trước thời hạn)		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15	-16	(16)=(5+6+...+16)	
1	Trần Mạnh Hùng CCCD: 019087001485 SĐT: 0338990668 Trần Thị Nguyệt CCCD: 019188002126	TDP Tân Mới, phường Sông Công	46,1	3.688.000	-	102.610.000	-	11.064.000	-	-	68.458.500	-	461.000	-	230.500	186.512.000	
2	Nguyễn Văn Kiệt SĐT: 0987949638 Lê Thị Hòa	TDP Tân Mới, phường Sông Công	74,4	6.175.200	-	148.802.500	10.130.400	18.525.600	-	-	-	-	744.000	-	372.000	184.749.700	
3	Lê Thị Kim Oanh CCCD:019176001280 SĐT: 0366141866	TDP Tân Mới, phường Sông Công	36,3	3.012.900	-	1.697.000	16.884.000	9.038.700	-	-	-	-	363.000	-	181.500	31.177.100	
5	Đặng Văn Mão CCCD: 019058000630	TDP Tân Mới, phường Sông Công	1.613,2	516.056.000	-	1.609.204.461	40.521.600	351.168.000	46.000.000	-	235.543.000	-	14.632.000	20.000.000	7.316.000	2.840.441.061	
6	Đặng Thái Sơn CCCD: 019215012873 SĐT: 0983161883	TDP Tân Mới, phường Sông Công	1.439,7	251.176.000	-	1.140.852.800	67.536.000	333.528.000	46.000.000	-	350.000.000	40.000.000	13.897.000	20.000.000	6.948.500	2.269.938.300	
7	Vũ Văn Tuấn CCCD: 019079000901 SĐT: 0984688777	TDP Mô Chè, phường Bách Quang	1.446,9	523.752.000	-	758.670.600	10.130.400	311.256.000	5.000.000	-	350.000.000	-	12.969.000	-	6.484.500	1.978.262.500	
8	Nguyễn Thị Hồng CCCD: 019183001280 SĐT: 0985061796	TDP Tân Mới, phường Sông Công	656,4	324.512.000	-	183.321.300	27.014.400	133.536.000	-	-	324.240.000	-	5.564.000	-	2.782.000	1.000.969.700	
9	Nguyễn Trung Tuấn CCCD: 019077001436 SĐT: 0947606175	TDP Việt Đức, phường Sông Công	86,6	6.928.000	-	9.205.000	13.507.200	20.784.000	-	-	190.953.000	-	866.000	-	433.000	242.676.200	
10	Nguyễn Trung Dũng CCCD: 019078010715 SĐT: 0913500637	TDP Việt Đức, phường Sông Công	13,6	1.088.000	-	13.622.400	6.753.600	3.264.000	-	-	17.850.000	-	136.000	-	68.000	42.782.000	

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT- LẤY Ý KIẾN
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THỐNG NHẤT PHƯỜNG PHỐ CỎ

(Phương án kèm Thông báo số 323/TB-TTPTQĐKVII ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản: **Hộ ông Trần Mạnh Hùng, phường Sông Công**



STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC		TẠI THỪA ĐẤT		ĐVT	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ (m ²)	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)	THÀNH TIỀN (Tính theo diện tích chiếm chỗ)	CÔNG TÁC KHÁC (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
			THỪA SỐ	TỜ BẢN ĐỒ						TỔNG (Tính theo diện tích, khối lượng)
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)=(8)X(7)	(10)	(11)=(13)+(12)
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)										102.610.000
I	NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH TÀI SẢN ĐƯỢC KÊ KHAI NGÀY 09/11/2023					12,22		-	99.118.000	99.118.000
1	Sân lát gạch	Mái lợp tôn	164(12K)	49(75-II)	m ²	12,2			27.536.400	27.536.400
2	Tường rào	Xây gạch không nung, xây gạch chỉ	164(12K)	49(75-II)	m ²	0,0			53.593.500	53.593.500
3	Bó bờ	Xây gạch chỉ	164(12K)	49(75-II)	m ²	0,0			17.988.100	17.988.100
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI									3.492.000
1	Cây cối		164(12K)	49(75-II)	m ²					3.492.000

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THỐNG NHẤT PHƯỜNG PHỔ CÒ

(Phương án kèm Thông báo số 323/TB-TTPTQĐKVII ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản: **Hộ ông Nguyễn Văn Kiệm, Lê Thị Hòa TDP Tân Mới, phường Sông Công**

STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC		TẠI THỬA ĐẤT		ĐVT	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ (m ²)	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)	THÀNH TIỀN (Tính theo diện tích chiếm chỗ)	CÔNG TÁC KHÁC (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
			THỬA SỐ	TỜ BẢN ĐỒ						TỔNG (Tính theo diện tích, khối lượng)
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)=(8)X(7)	(10)	(11)=(13)+(12)
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)										148.802.500
I	NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH ĐƯỢC KÊ KHAI NGÀY 09/3/2024					40,13		-	145.667.500	145.667.500
1	Tường	Xây gạch chỉ	229(240B)	48(75-II)	m ²	0,0			64.330.700	64.330.700
2	Chuồng gà	Xây gạch chỉ	229(240B)	48(75-II)	m ²	15,8			7.288.600	7.288.600
3	Bê	Xây gạch chỉ	229(240B)	48(75-II)	m ²	0,0			12.499.600	12.499.600
4	Sân lát gạch	Mái lợp tôn	229(240B)	48(75-II)	m ²	24,4			32.410.100	32.410.100
5	Tường	Xây gạch chỉ	229(240B)	48(75-II)	m ²	0,0			29.138.500	29.138.500
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI									3.135.000
1	Cây cối		229(240B)	48(75-II)	m ²					3.135.000

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THỐNG NHẤT PHƯỜNG PHỐ CÒ

(Phương án kèm Thông báo số 523/TB-TTPTQĐKVII ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)



Chủ sở hữu tài sản: **Hộ ông Lê Thị Kim Oanh, TDP Tân Mới, phường Sông Công**

STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC	TẠI THỪA ĐẤT		ĐVT	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ	DIỆN TÍCH CHIẾM M CHỖ (m ²)	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)	THÀNH TIỀN (Tính theo diện tích chiếm chỗ)	CÔNG TÁC KHÁC (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
		THỪA SỐ	TỜ BẢN ĐỒ							TỔNG (Tính theo diện tích, khối lượng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)X(7)	(10)	(11)=(13)+(12)
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)										1.697.000
I	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI ĐƯỢC KÊ KHAI NGÀY 10/8/2023									
1	Cây cối		2(240X+S)	59(75-II)	m ²					1.697.000

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN

Dự án: Khu đô thị Thống Nhất phường Phố Cò

(Phương án kèm Thông báo số 323/TB-CNTTPTQĐKVII ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản: **Hồ ông Đặng Văn Mão, TDP Tân Mới, phường Sông Công**



STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC		TẠI THỬA ĐẤT		ĐVT	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ (m ²)	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)	THÀNH TIỀN (Tính theo diện tích chiếm chỗ)	CÔNG TÁC KHÁC (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
			THỬA SỐ	TỜ BẢN ĐỒ						TỔNG (Tính theo diện tích, khối lượng)
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(8)=(6)X(7)	(8)	(10)=(8)+(9)
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)										1.609.204.461
I	NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH					1123,59				1.579.333.461
1	NHÀ 1 TẦNG	MÁI BẰNG	289	48	m ²	155,75	4.621.000	719.720.750	386.613.711	1.106.334.461
2	NHÀ 1 TẦNG	MÁI TÔN XÓP	289	48	m ²	46,62	4.005.000	186.713.100	-186.713.100	-
3	SÂN CHÍNH	LÁT GẠCH	289	48	m ²	322,52				100.531.100
3.1	BÊ TỰ HOẠI	XÂY GẠCH CHỈ	289	48	m ²	43,7				11.717.600
3.2	NỀN BÊ TÔNG SỎI		289	48	m ²					95.545.500
4	AO ĐÀO		289	48	m ²	555				265.204.800
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI								29.871.000	29.871.000
1	Cây cối		289	48					29.871.000	29.871.000

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN

Dự án: Khu đô thị Thống Nhất phường Phố Cò

(Phương án kèm Thông báo số 323/TB-CNTTPTQĐKVII ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)



Chủ sở hữu tài sản: Hộ ông Đặng Thái Sơn, TDP Tân Mới, phường Sông Công

STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC		TẠI THỬA ĐẤT		ĐVT	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ (m ²)	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)	THÀNH TIỀN (Tính theo diện tích chiếm chỗ)	CÔNG TÁC KHÁC (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
			THỬA SỐ	TỜ BẢN ĐỒ						TỔNG (Tính theo diện tích, khối lượng)
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(8)=(6)X(7)	(8)	(10)=(8)+(9)
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)										1.140.852.800
I	NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH					633,68				1.089.038.900
1	NHÀ 1 TẦNG	MÁI NGÓI	298	48	m ²	69,6	3.726.000	259.329.600	132.555.200	391.884.800
1.1	SÂN LÁT GẠCH	MÁI LỘP TÔN	298	48	m ²	104,7				60.544.200
2	NHÀ 1 TẦNG	MÁI FIBROXM	298	48	m ²	45,6	3.545.000	161.652.000	84.980.100	246.632.100
*	BÊ + SÂN		298	48	m ²	70,8				72.805.500
3	KHO ĐỂ CHÁU		298	48	m ²	19,2				11.433.000
4	CHUÔNG TRẠI	MÁI LỘP TÔN	298	48	m ²	205,15				224.487.400
5	NHÀ 1 TẦNG	MÁI LỘP TÔN XÓP	298	48	m ²	96,25				-
6	NHÀ VỆ SINH	MÁI LỘP TÔN	298	48	m ²	5,6				-
*	HÀNG RÀO		298	48	m ²	16,78				81.251.900
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI								51.813.900	51.813.900
1	Cây cối		298+300	48					51.813.900	51.813.900

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN

Dự án: Khu đô thị Thống Nhất phường Phố Cờ

(Phương án kèm Thông báo số 323/TB-CNTTPTQĐKVII ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản: Hộ ông Vũ Văn Tuấn, TDP Tân Mới, phường Sông Công



STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC		TẠI THỬA ĐẤT		ĐVT	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ (m ²)	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)	THÀNH TIỀN (Tính theo diện tích chiếm chỗ)	CÔNG TÁC KHÁC (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
			THỬA SỐ	TỜ BẢN ĐỒ						TỔNG (Tính theo diện tích, khối lượng)
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(8)=(6)X(7)	(8)	(10)=(8)+(9)
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)										758.670.600
I	NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH					250,70				697.671.800
1	NHÀ 1 TẦNG	MÁI LỢP TÔN	305	48	m ²	43,86	4.621.000	202.677.060	45.230.040	247.907.100
2	NHÀ 1 TẦNG	MÁI BẰNG	305	48	m ²	9,8	4.373.000	42.855.400	20.627.800	63.483.200
3	SÂN LÁT GẠCH	MÁI LỢP TÔN	305	48	m ²	111,74				177.430.700
4	CHUÔNG GÀ	MÁI LỢP TÔN	305	48	m ²	68,1				120.639.100
5	NHÀ 1 TẦNG	MÁI BẰNG	305	48	m ²	5	4.165.000	20.825.000	9.193.500	30.018.500
*	SÂN GIẾNG LG 50		305	48	m ²	5,2				19.441.500
*	TRỤ CÔNG, TƯỜNG RÀO, HÀNG RÀO THÉP		305	48	m ²	7				38.751.700
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI								60.998.800	60.998.800
1	Cây cối		299+305	48					60.998.800	60.998.800

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN

Dự án: Khu đô thị Thống Nhất phường Phố Cò

(Phương án kèm Thông báo số 323/TB-CNTTPTQĐKVII ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Chi nhánh trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

Chủ sở hữu tài sản: Hộ ông Nguyễn Thị Hồng, TDP Tân Mới, phường Sông Công

STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC	TẠI THỬA ĐẤT		ĐVT	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ (m ²)	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)	THÀNH TIỀN (Tính theo diện tích chiếm chỗ)	CÔNG TÁC KHÁC (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
		THỬA SỐ	TỜ BẢN ĐỒ						TỔNG (Tính theo diện tích, khối lượng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(8)=(6)X(7)	(8)	(10)=(8)+(9)
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)									183.321.300
I	NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH				36,60			-	173.389.300
1	SÂN	335(230)	48	m ²	36,6				173.389.300
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI							9.932.000	9.932.000
1	Cây cối	335+171	48					9.932.000	9.932.000

2.1.3. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT - LẤY Ý KIẾN
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THỐNG NHẤT PHƯỜNG PHỐ CÒ

(Phương án kèm Thông báo số 323 /TB-TTPTQĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

Chủ sở hữu tài sản: **Hộ ông Nguyễn Trung Dũng, TDP Việt Đức, phường Phố Cò, thành phố Sông Công**



STT	DANH SÁCH HẠNG MỤC	TẠI THỪA ĐẤT		ĐVT	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ	DIỆN TÍCH CHIẾM CHỖ (m ²)	ĐƠN GIÁ (đồng/m ²)	THÀNH TIỀN (Tính theo diện tích chiếm chỗ)	CÔNG TÁC KHÁC (Tính theo khối lượng)	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN
		THỪA SỐ	TỜ BẢN ĐỒ							TỔNG (Tính theo diện tích, khối lượng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)X(7)	(10)	(11)=(13)+(12)
TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN (I+II)										13.622.400
I	NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH TÀI SẢN ĐƯỢC KÊ KHAI NGÀY 18/10/2023					0,00		-	13.382.400	13.382.400
1	Bờ chắn đất	71(40A)	2(75-l)	m ²	0	0,0			13.382.400	13.382.400
II	CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI									
1	Cây cối	71(40A)	2(75-l)	m ²						240.000

2.1.5. PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÙNG THỪA ĐẤT Ở HOẶC ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC LÀ ĐẤT VƯỜN, AO, ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÙNG THỪA ĐẤT Ở NHƯNG ĐÃ TÁCH RA KHỎI THỪA ĐẤT Ở

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THỐNG NHẤT, PHƯỜNG PHỐ CỎ (NAY THUỘC PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN) - LẦN 7

(Phương án kèm theo Thông báo số 323/TB-CNTTPT/QĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

TT	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Tiêu chí	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Mảnh bản đồ trích lục	Diện tích được hỗ trợ theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 27/3/2026	Loại đất	Vị trí	Hỗ trợ đối với đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở hoặc đất có nguồn gốc là đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở nhưng đã tách ra khỏi thửa đất ở		Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
									Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)		
-1	-2	-3	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	(10)=(6x9)	-11	-12
1	Trần Mạnh Hùng CCCD: 019087001485 SĐT: 0338990668 Trần Thị Nguyệt CCCD: 019188002126	HTĐT				46,1				68.458.500	68.458.500	
		HTĐT	164(12K)	49(75-II)		46,1	CLN	1	1.485.000	68.458.500	68.458.500	

2.3. BẢNG TỔNG HỢP SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐƯỢC NHẬN

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THỐNG NHẤT, PHƯỜNG PHỐ CÒ (NAY THUỘC PHƯỜNG SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN) - LẦN 7

(Phương án kèm theo Thông báo số 323 /TB-CNTTPTQĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)		Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ		Bồi thường bằng đất ở, đất ở TĐC có thu tiền sử dụng đất			Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo Khoản 4, Điều 111 Luật đất đai năm 2024			Số tiền chênh lệch giữa tiền bồi thường đất và tiền sử dụng đất phải nộp		Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)	Số tiền được ghi nợ (nếu có)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất
			Đất khác	Đất ở	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt	Trong đó Bồi thường về đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết 33/2025/NQ -HĐND ngày 10/12/2025 (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m ²)	Đơn giá theo Nghị Quyết 33/2025/NQ- HĐND ngày 10/12/2025 (đồng/m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Số tiền được nhận	Số tiền phải nộp khi thực hiện thủ tục giao đất			
1	Đặng Văn Mão CCCD: 019058000630	TDP Tân Mới, phường Sông Công	1.463,2	150,0	2.840.441.061	516.056.000	183,0	2.550.000	466.650.000	-	-	-	49.406.000				2.373.791.061
2	Đặng Thái Sơn CCCD: 019215012873 SĐT: 0983161883	TDP Tân Mới, phường Sông Công	1.389,7	50,0	2.269.938.300	251.176.000	90,0	3.000.000	270.000.000	90,0	3.000.000	270.000.000		288.824.000			2.018.762.300
3	Vũ Văn Tuấn CCCD: 019079000901 SĐT: 0984688777	TDP Mỏ Chè, phường Bách Quang	1.296,9	150,0	1.978.262.500	523.752.000	99,0	3.000.000	297.000.000	-	-	-	226.752.000				1.681.262.500
4	Nguyễn Thị Hồng CCCD: 019183001280 SĐT: 0985061796	TDP Tân Mới, phường Sông Công	556,4	100,0	1.000.969.700	324.512.000	90,0	3.000.000	270.000.000	-	-	-	54.512.000				730.969.700